

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2022/DS-ST**

Ngày: 07-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và góp hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Ông Ngô Bá Đức

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị V, sinh năm 1964, địa chỉ: Ấp BP, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp BP, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Trương Thị Diễm Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp BP, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*(Tất cả các đương sự đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn bà Thái Thị V trình bày:

Vào ngày 20/02/2020 (AL), bà có cho anh Huỳnh Thanh Đ vay 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng, có viết giấy biên nhận (do bà viết) và anh Đ có ký tên, thỏa thuận miêng tính lãi mỗi tháng 100.000 đồng/1.000.000 đồng nhưng anh Đ chưa đóng lãi tháng nào. Việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà của bà và chị Trương Thị Diễm Th (vợ anh Đ) không biết, chỉ khi anh Đ không trả nợ, bà đến đòi thì chị Th mới biết. Khi cho vay, hai bên thỏa thuận thời điểm trả nợ như sau: Ngày 20/3/2020 (AL): trả 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng; Ngày 20/4/2020 (AL): trả 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Nhưng anh Đ vẫn chưa trả cho bà số tiền nào.

Ngoài ra, anh Đ có tham gia chơi 01 dây hội do bà làm chủ hội, hội 2.000.000 (Hai triệu) đồng, gồm có 18 phần, khai ngày 05/02/2020 (AL), anh Đ tham gia chơi 01 phần ghi tên là “Đ” trong giấy hội, chị Th chơi 01 phần ghi tên “Vợ thằng Đ” trong giấy hội, hội của ai người đó tự đóng, anh Đ hốt hội vào ngày 05/02/2020 (AL) và đóng hội chết đến ngày 05/11/2020 (AL) thì ngưng không đóng nữa nên nợ lại bà 09 tháng hội chết và 500.000 đồng của 01 tháng hội đã đóng (tháng 7/2020) nên anh Đ còn nợ lại bà 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng tiền hội chết. Khi thu tiền hội chết, bà chỉ có ký hiệu trong sổ, đánh dấu “X” màu xanh là đóng rồi, dấu “X” màu đỏ là chưa đóng, ghi liền vào ngày đóng hội, chứ không có lập biên nhận, khi giao tiền hội hốt thì có lập biên nhận và anh Đ có ký tên nhận hội.

Nay bà Thái Thị V khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Thanh Đ và chị Trương Thị Diễm Th có nghĩa vụ liên đới hoàn trả tổng số tiền vay và hội là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng. Trong đó: Số tiền vay gốc là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/5/2020 (AL) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng; Số tiền hội gốc là 18.500.000 (mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/11/2021 (AL) đến ngày giải quyết xong vụ kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng. Mặc dù chị Th không trực tiếp vay tiền và chơi hội nhưng do thời điểm vay tiền và chơi hội chị Th và anh Đ là vợ chồng nên phải có trách nhiệm liên đới với nhau.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn anh Huỳnh Thanh Đ trình bày:*

Anh thừa nhận vào năm 2020 anh có vay của bà Thái Thị V số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng và trước đó có nợ bà V 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng nên tổng kết vào thời điểm này anh còn nợ bà V số tiền 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Khi anh vay tiền của bà V không có lập biên nhận, thỏa thuận không tính lãi và mỗi tháng trả 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi hết nợ. Anh đã trả cho bà V được 6.000.000 (Sáu triệu) đồng nên còn nợ lại 2.500.000

(Hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Khi anh trả tiền cho bà V không có lập giấy biên nhận. Giấy do bà V cung cấp không phải là chữ ký của anh nhưng anh không yêu cầu giám định chữ ký vì thực tế anh có vay tiền của bà V.

Ngoài ra, anh có tham gia chơi 01 dãy hội do bà V làm chủ hội, khai ngày 05/02/2020 (AL), hội 2.000.000 (Hai triệu) đồng, 18 phần, anh tham gia 01 phần và ngày 05/02/2020 (AL) anh có hốt hội được số tiền 23.500.000 (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, anh đã đóng đầy đủ tiền hội chết cho bà V. Khi đóng hội chết không có lập biên nhận. Anh tham gia chơi hội để phục vụ nhu cầu hàng ngày của gia đình, đóng tiền hội còn nợ trước đây khi chị Th chưa về sống với anh. Lúc anh chơi hội của bà V, chị Th không biết, chỉ đến tháng 11/2020 (AL) mới biết do lúc này bà V và chị Th xảy ra mâu thuẫn, chị Th khởi kiện bà V.

Nay anh chỉ đồng ý hoàn trả cho bà Thái Thị V số tiền vay còn nợ là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/5/2020 (Âm lịch) đến ngày Tòa xét xử lãi suất 10%/năm. Anh không đồng ý hoàn trả tiền hội cho bà V vì anh đã đóng hội chết xong.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Diễm Th trình bày:*

Chị không đồng ý cùng anh Huỳnh Thanh Đ hoàn trả tiền hội và vay cho bà Thái Thị V vì chị không biết việc anh Đ vay tiền cũng như chơi hội của bà V. Chị và anh Đ đã ly hôn vào ngày 01/4/2022. Trong thời kỳ hôn nhân, anh Đ cùng với chị chăn nuôi heo, vịt để phát triển kinh tế gia đình, tuy nhiên anh Đ chỉ bỏ công, còn vốn do chị tự bỏ ra, chi phí sinh hoạt hằng ngày của gia đình cũng một mình chị lo. Khi chị thấy giấy hội ghi Đ thì chị có hỏi bà V, bà V nói đây là Đ ở HM không phải là Đ chồng chị. Sau này, khi làm việc bà V nói do anh Đ kêu giấu nên bà mới giấu.

*Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thái Thị V. Buộc anh Huỳnh Thanh Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thái Thị V tổng số tiền vốn vay và hội là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng. Trong đó: Số tiền vốn vay là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/5/2020 (AL) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi suất

0,83%/tháng; Số tiền hui gốc là 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/11/2021 (AL) đến ngày giải quyết xong vụ kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị V về việc yêu cầu chị Trương Thị Diễm Th có nghĩa vụ liên đới cùng anh Huỳnh Thanh Đ hoàn trả số tiền vay và hui nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 02/6/2022, bà Thái Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Huỳnh Thanh Đ và chị Trương Thị Diễm Th phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà V số tiền vốn vay và hui là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu đồng) và yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui*” được quy định tại các Điều 463, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn anh Huỳnh Thanh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Diễm Th có nơi cư trú tại ấp BP, xã CS, huyện M nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về nghĩa vụ trả tiền vay: Nguyên đơn bà Thái Thị V khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Huỳnh Thanh Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà V số tiền vốn vay là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Xét thấy, mặc dù anh Đ xác định chữ ký tại giấy không tiêu đề do bà V cung cấp không phải là chữ ký của anh nhưng tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Đ đều thừa nhận vào ngày 20/02/2020 (Âm lịch) anh có vay của bà V số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng và trước đó còn nợ bà V số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Đ cho rằng anh đã hoàn trả cho bà V được 6.000.000 (Sáu triệu) đồng nên chỉ còn nợ lại bà V 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng nhưng khi trả không có lập biên nhận nên anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh mặc dù Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ cho anh. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà V đều khẳng định không có nhận của anh Đ số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng như anh Đ trình bày. Do đó,

không có đủ cơ sở để xác định anh Đ có hoàn trả cho bà V số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng tiền vốn vay. Vì vậy, buộc anh Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà V số tiền vốn vay 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng là phù hợp.

[2.2] Về nghĩa vụ trả tiền hối: Bà Thái Thị V yêu cầu anh Huỳnh Thanh Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà số tiền hối chết anh Đ còn nợ là 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Đ đều thừa nhận anh có tham gia chơi 01 dây hối do bà Vân làm chủ hối, hối 2.000.000 (Hai triệu) đồng, gồm có 18 phần, khai ngày 05/02/2020 (AL) và anh hốt hối vào ngày 05/02/2020 (AL). Do anh Đ đã thực hiện hốt hối vào ngày 05/02/2020 (AL) nên anh phải thực hiện nghĩa vụ của hối viên hàng tháng phải đóng tiền hối chết 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Tuy nhiên, anh Đ cho rằng anh đã đóng đầy đủ tiền hối chết của dây hối này nhưng anh không có chứng cứ chứng minh mặc dù đã nhận được thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án và bà V không đồng ý với lời trình bày này của anh Đ. Vì vậy, buộc anh Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà V số tiền hối chết còn nợ 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm liên đới của chị Trương Thị Diễm Th: Xét thấy, tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà V, anh Đ và chị Th đều thống nhất khi anh Đ vay tiền của bà V, chị Th hoàn toàn không biết và trong cùng một dây hối chị Th và anh Đ tham gia hai phần hối với hai tên riêng biệt nhau là "Đ" và "Vợ thằng Đ" cũng như việc đóng hối hốt hối tự chị Th và anh Đ thực hiện với bà V, mỗi người tự đóng phần hối của mình và tự hốt hối, không có liên quan đến nhau, chưa lần nào chị Th hay anh Đ đóng hối dùm người kia. Tại phiên tòa, chị Th không đồng ý cùng anh Đ liên đới hoàn trả số tiền vay và hối cho bà V. Vì vậy, không có đủ cơ sở để xác định việc anh Đ vay tiền và tham gia chơi hối của bà V thì chị Th có biết và mục đích của việc anh Đ vay tiền cũng như chơi hối của bà V để phục vụ nhu cầu chung của gia đình nên không buộc chị Th có nghĩa vụ liên đới cùng anh Đ hoàn trả số tiền vay và hối cho bà Vân.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Bà Thái Thị V yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay và hối. Đối với tiền vay, anh Đ đồng ý chịu tiền lãi của tiền vay tính từ ngày 20/5/2020 (AL) (nhằm ngày 10/7/2020 DL) đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng nên tiền lãi của tiền vay được tính như sau: 8.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 25 tháng 28 ngày = 1.829.000 đồng. Đối với tiền hối, dây hối khi ngày 05/02/2020 (AL) gồm có 18 phần nên tính đến ngày 05/7/2021 (AL) hối mất anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với và V nên anh Đ phải chịu tiền lãi từ ngày 05/7/2021 (al) (nhằm ngày 12/8/2021 DL) đến ngày Tòa xét xử. Vì vậy, việc bà V yêu cầu tính lãi từ ngày 05/11/2021 (AL) (nhằm ngày 02/12/2021 (DL)) là phù hợp. Việc thỏa thuận góp hối giữa anh Đ và bà V không

có thỏa thuận về trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì anh Đ phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Do đó, anh Đ phải chịu tiền lãi của số tiền hui như sau: 18.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 05 ngày = 1.407.000 đồng.

[5] Vì vậy, buộc anh Huỳnh Thanh Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thái Thị V tổng số tiền vốn và lãi của tiền vay và tiền hui là 30.236.000 (Ba mươi triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: 30.236.000 đồng x 5% = 1.512.000 đồng.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 16, 22, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thái Thị V về việc yêu cầu bị đơn Huỳnh Thanh Đ có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vay và hui.

Buộc anh Huỳnh Thanh Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thái Thị V tổng số tiền 30.236.000 (Ba mươi triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn) đồng. Trong đó: tiền vốn vay và hui là 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng; tiền lãi là 3.236.000 (Ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Thị V về việc yêu cầu chị Trương Thị Diễm Th có nghĩa vụ liên đới cùng anh Huỳnh Thanh Đông hoàn trả số tiền vay và hui.

3. Về án phí:

Anh Huỳnh Thanh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.512.000 (Một triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Thái Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000 (Năm trăm năm mươi nghìn) đồng và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu tiền số \*\*\*\*\*, \*\*\*\*\* cùng ngày \*\*/\*\*/\*\*\*\*\* của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Kim Sang**